

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TRI
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 76/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07-10-2021

V/v “Ly hôn và nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Trung

2. Ông Lê Quang Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hoàng Long – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 10 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 229/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2021/QĐST - HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ng, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ 3, Ấp 1, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. (Có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh L, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp Ph, xã Ph, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 4 năm 2021 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Ng trình bày:

Chị và anh L cưới nhau vào năm 2011 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn cả hai chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên không có tiếng nói chung, nên chị đã dẫn 02 con chung về tỉnh Bình Phước sinh sống và cả 02 đã ly thân từ đó cho đến

nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung H, sinh ngày 27/8/2012 và Đ, sinh ngày 08/10/2015. Cả 02 con chung đang sống cùng chị Ng tại tỉnh Bình Phước, chị Ng yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 26/5/2021, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa anh L trình bày:

Anh và chị Ng cưới nhau vào năm 2011 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Sau khi cưới nhau, cả hai chung sống tại huyện L, tỉnh Bình Phước đến năm 2016 thì về xã Ph, huyện B sinh sống. Đến tháng 4/2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên cả 02 đã ly thân từ đó cho đến nay. Từ khi ly thân, chị Ng đã dẫn 02 con chung về tỉnh Bình Phước sinh sống cho đến nay. Nay chị Ng cương quyết xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung H, sinh ngày 27/8/2012 và Đ, sinh ngày 08/10/2015. Trường hợp Tòa án cho ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi 01 con chung là cháu Đ, chị Ng nuôi cháu H và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri:

- Về thủ tục: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nên vụ án được Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn là đúng quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, thành viên HĐXX thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX chấp nhận cho chị Ng ly hôn với anh L. Về con chung: Có 02 con chung H, sinh ngày 27/8/2012 và Đ, sinh ngày 08/10/2015. Cả 02 con chung đang sống cùng chị Ng tại tỉnh Bình Phước, cháu Hân cũng có nguyện vọng được sống với mẹ nên chấp nhận cho chị Ng được nuôi 02 con chung và ghi nhận chị Ng không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Ng và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L theo quy định pháp luật vào năm 2011. Do đó, hôn nhân của chị Ng và anh L là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị Ng và anh L sống chung với nhau đến tháng 4/2017 thì phát sinh mâu thuẫn và chị Ng đã dẫn con về tỉnh Bình Phước sinh sống cho đến nay. Anh L cũng thừa nhận giữa anh và chị Ng đã không tin tưởng nhau, bất đồng quan điểm sống và anh đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Ng và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ly hôn là biện pháp tốt nhất để trả tự do cho cả hai. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị Ng là có cơ sở và phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 con chung H, sinh ngày 27/8/2012 và Đ, sinh ngày 08/10/2015. Chị Ng yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L yêu cầu được nuôi cháu Đ. HĐXX xét thấy, kể từ ngày chị Ng và anh L ly thân đến nay, cháu Hân và cháu Đạt sống cùng với chị Ng. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu Đạt, HĐXX chấp nhận cho chị Ng được nuôi 02 con chung (phù hợp với nguyện vọng của cháu Hân). Việc chị Ng không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX ghi nhận. Vì vậy, yêu cầu của anh L được nuôi cháu Đ không được HĐXX chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri phù hợp với các nhận định nêu trên nên được HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Ng phải nộp án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận cho chị Ng ly hôn với anh L.

2. Về con chung: Có 02 con chung H, sinh ngày 27/8/2012 và Đ, sinh ngày 08/10/2015. Chị Ng được nuôi 02 con chung và anh L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Ng phải nộp án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào biên lai thu tiền số 0000499 ngày 29/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

5. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Riêng nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Tùng